

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày: 12-03-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hữu Quang;

Ông Mai Trọng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 12 tháng 03 năm 2019, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 31/01/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/HSST-QĐ ngày 20/02/2019 và tuyên án ngày 12/03/2019 đối với bị cáo họ và tên:

Ngô Văn P, tên gọi khác: /; sinh năm 1989 tại thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã B, huyện D, Tp. Hải Phòng; nơi cư trú: Đường A, phường B, quận T, Tp.HCM; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn Đ1 và bà Vũ Thị Q; có vợ (chung sống chưa đăng ký kết hôn) và 01 con sinh ngày 19/8/2018; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Ngô Văn P 01 năm 10 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 15/5/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố M, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Ông Mai Tiến L là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư N. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tạ Thị Hồng M, sinh năm 1981; địa chỉ: Đường P, khu phố F, phường T, quận B, Tp.HCM. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường N, xã T, huyện D, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện D, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

Người làm chứng: Bà Tạ Thị Hồng M, sinh năm 1981; địa chỉ: Đường P, khu phố F, phường T, quận B, Tp.HCM. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Phạm Xuân Đ có vay số tiền 900.000.000 đồng của ông Tạ Đức T1 (là cha ruột của chị Tạ Thị Hồng M ngụ tại đường P, phường T, quận B). Khi ông T1 chết thì anh Đ viết giấy nhận nợ với chị M; do chậm trễ trong việc trả tiền gốc và tiền lãi nên chị M có ủy quyền cho Ngô Văn P thay mình đi đòi số tiền mà Đ đang nợ; hai bên có làm hợp đồng ủy quyền để thực hiện việc đòi nợ thay (được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, quận B).

Vào khoảng 11 giờ ngày 14/5/2018, Phạm Xuân Đ đến nhà chị Tạ Thị Hồng M để thỏa thuận về việc trả nợ thì có 03 đối tượng buộc anh Đ phải trả ngay số tiền còn nợ; sau đó bắt giữ anh Đ và đưa lên xe ô tô, buộc anh phải viết giấy cam kết trả số tiền còn nợ 975.000.000 đồng trong thời hạn 03 ngày. Sau khi bị bắt giữ, anh Đ đã đến cơ quan Công an trình báo. Qua điều tra xác định được Ngô Văn P cùng 03 đối tượng là C, T2, H (chưa xác minh được nhân thân lai lịch) đi trên 01 chiếc xe ô tô bán tải màu trắng (chưa xác định được biển số xe) đến nhà chị Tạ Thị Hồng M. Khi gặp Phạm Xuân Đ, P đã yêu cầu anh Đ phải trả số tiền 975.000.000 đồng cho chị M nhưng anh Đ không đồng ý. P dùng tay tát vào mặt anh Đ, dùng dây thắt lưng, tròng vào cổ anh Đ; P và C lôi anh Đ lên xe ô tô do H lái chở đi từ địa chỉ đường P, phường T, quận B đến bãi đất trống tại ấp M, xã B, huyện C. Trên đường đi P ép Đ phải viết giấy cam kết trả số tiền nợ 975.000.000 đồng của chị M trong thời hạn 03 ngày. Sau khi viết giấy nợ xong, P cùng đồng phạm chở anh Đ về lại nhà chị M. Công an Quận 7 đã tiến hành truy xét và bắt giữ P ngày 15/5/2018.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Ngô Văn P đã khai nhận hành vi bắt, giữ người trái pháp luật của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; số seri: 357344085272830;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen; số imei: 355330080052592;
- 01 sợi thắt lưng màu đen dài khoảng 01 mét bằng da đầu bằng kim loại màu vàng có chữ Dolce & Gabbane (Milano Italia);
- 01 xe máy hiệu Arblade màu đen, biển số 15C1-13006; số khung: HP4601DY253577; số máy: F46E-4097858; qua xác minh, xe do chị Nguyễn Thị A đứng tên đăng ký sở hữu. Chị A đưa xe cho chồng là Nguyễn Trọng T quản lý và sử dụng. Cuối năm 2017, T đưa xe vào Thành phố Hồ Chí Minh làm phương tiện đi lại. Trong quá trình sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, T gặp Ngô Văn P là người cùng quê

nên ở chung với P tại quận T. Đến tháng 02/2018 do không kiếm được việc làm nên T về Hải Phòng, để lại chiếc xe trên cho P mượn làm phương tiện đi lại.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra người bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Bản Cáo trạng số 136/CT-VKSQ7 ngày 08/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp. HCM đã truy tố bị cáo Ngô Văn P về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo Khoản 1 Điều 157; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, sau khi yêu cầu anh Đ viết giấy cam kết trả nợ, do anh Đ không đồng ý nên bị cáo dùng tay đánh anh Đ rồi cùng C và T2 khống chế đưa anh lên xe, làm áp lực để buộc anh phải trả cho chị M số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng và nợ lãi 75.000.000 đồng; sau khi anh Đ viết giấy cam kết trả số tiền còn nợ trong thời hạn 03 ngày, bị cáo đã chở anh Đ về nhà chị M. Việc bị cáo bắt giữ anh Đ, chị M không biết, không có thỏa thuận, bị cáo tự ý thực hiện.

Tại phiên tòa người bị hại ông Đ khai nhận, ngày 14/5/2018 ông đến nhà bà M là để thỏa thuận về việc trả nợ; bị cáo và hai người nữa đã bắt, giữ và đưa ông lên chiếc xe ô tô, trên đường đi nhóm người của bị cáo đã đánh, đe dọa chặt tay, đưa sang Campuchia nếu ông không trả số tiền nợ, do sợ nên ông đã viết giấy cam kết trả số tiền 975.000.000 đồng trong thời hạn 03 ngày. Ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản thiệt hại về sức khỏe, tinh thần, chi phí khám và mua thuốc điều trị cho ông với số tiền là 76.000.000 đồng. Về số tiền nợ, ông Đ xác nhận ông có vay số tiền 900.000.000 đồng của ông T1 (cha bà M), thỏa thuận lãi suất 2%/tháng; do khó khăn nên ông chưa trả được số tiền nợ gốc và lãi đúng hạn cho phía gia đình bà M.

Tại phiên tòa bà M khai nhận, bà nhiều lần đến nhà ông Đ (ở Bình Dương) để đòi ông số tiền nợ (nợ gốc 900.000.000 đồng và tiền nợ lãi hàng tháng); do ông Đ hẹn nhiều lần không trả, vì bận buôn bán không có thời gian đi lên Bình Dương để đòi ông Đ nên bà đã ủy quyền cho bị cáo P đi đòi nợ thay; việc bị cáo đe dọa, bắt giữ ông Đ là do bị cáo tự ý thực hiện, bà không yêu cầu hay thỏa thuận; bà đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Đ phải trả số tiền nợ gốc và lãi 975.000.000 đồng mà ông Đ còn thiếu.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra người bị hại không có yêu cầu gì, tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại với số tiền 76.000.000 đồng, do người bị hại chưa cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên dành quyền khởi kiện, tách ra giải quyết bằng vụ án khác theo pháp luật dân sự.

Đối với yêu cầu ông Đ phải trả số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng và nợ lãi 75.000.000 đồng của bà M tại phiên tòa đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác theo pháp luật dân sự.

Xử lý vật chứng: 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo; chiếc xe gắn máy biển số 15C1 – 130.06 đề nghị trả lại cho bà A. Đối với sợi dây thắt lưng màu đen, là phương tiện bị cáo dùng làm công cụ khi bắt giữ ông Đ, không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại trình bày quan điểm: Về tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân quận 7 và Cơ quan điều tra không thông báo cho người bị hại kết quả điều tra là vi phạm Điểm đ Khoản 2 Điều 64 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về tội danh, bà M không có quyền đòi người bị hại số tiền nợ nhưng bà đã thuê bị cáo và đồng bọn sử dụng vũ lực để chiếm đoạt của người bị hại số tiền 975.000.000 đồng; căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo và đồng phạm đủ cấu thành tội cướp tài sản và bà M là chủ mưu, thuê bị cáo và đồng bọn sử dụng vũ lực để cưỡng đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 để truy tố bị cáo và bà M về tội Cướp tài sản theo Điểm a Khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư, người bị hại, các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi ban hành Kết luận điều tra, Điều tra viên, Cơ quan điều tra không thực hiện thông báo kết quả điều tra cho người bị hại theo quy định Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là thiếu sót. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy thiếu sót này của Cơ quan điều tra không làm thay đổi hành vi phạm tội của bị cáo nên kiến nghị khắc phục.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo và các tên T2, C đã có hành vi khống chế, bắt giữ anh Phạm Xuân Đ lên xe ô tô do H điều khiển chở đi từ địa chỉ đường P, phường T, quận B đến bãi đất trống tại ấp M, xã B, huyện C để buộc anh Đ phải viết giấy cam kết trả số tiền nợ 975.000.000 đồng trong thời hạn 03 ngày. Do đó đã phạm vào tội “ Bắt,

giữ người trái pháp luật” theo Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã là táo bạo, xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do của công dân; gây hoang mang trong dư luận, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn; vì vậy cần phải có mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và ngăn ngừa chung trong xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp Tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Đối với C, T2 và H là đồng phạm cùng bị cáo P bắt, giữ anh Đ do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[5] Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại, đề nghị Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 để truy tố bị cáo và bà M về tội Cướp tài sản theo Điểm a Khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa ngày 30/11/2018 nhận thấy hành vi của bị cáo có dấu hiệu phạm tội Cường đoạt tài sản; Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra làm rõ hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị cáo và vai trò của bà M trong quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Qua điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra đã kết luận không đủ căn cứ để khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân quận 7 giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Ngô Văn P về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về giới hạn của việc xét xử; Tòa án xét xử bị cáo P theo tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[6] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra người bị hại không có yêu cầu gì, tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại về sức khỏe, tinh thần, chi phí khám chữa bệnh với số tiền 76.000.000 đồng; tại phiên tòa bà M yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Đ phải trả số tiền nợ gốc và lãi 975.000.000 đồng. Xét thấy, người bị hại chưa cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và các yêu cầu của bà M được xem xét giải quyết bằng bằng vụ án khác nên dành quyền khởi kiện, tách ra giải quyết bằng vụ án khác theo pháp luật dân sự.

[7] Xử lý vật chứng:

- Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 216 màu đen, chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen là tài sản riêng của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với sợi thắt lưng màu đen bằng da đầu bằng kim loại màu vàng có chữ Dolce & Gabbane là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Arblade màu đen, biển số 15C1-13006; số khung: HP4601DY253577; số máy: F46E-4097858; qua xác minh, xe do chị Nguyễn Thị A đứng tên đăng ký sở hữu. Chị A đưa xe cho chồng là Nguyễn Trọng T quản lý và sử dụng; anh T cho bị cáo mượn sử dụng nên trả lại cho chị A.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn P phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 157; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Ngô Văn P 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2018.

2. Căn cứ vào các Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 30, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

2.1. Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen;

2.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sợi dây nịt (thắt lưng) màu đen dài.

2.3. Trả lại cho chị Nguyễn Thị A: 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Honda Airblade, màu đen, biển số 15C1-130.06; số khung: RLHJF4601DY253577; số máy: JF46E-4097858.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 122 ngày 20/9/2018)

2.4. Đối với yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại về tổn thất tinh thần, sức khỏe, chi phí khám chữa bệnh với số tiền 76.000.000 đồng của ông Phạm Xuân Đ và yêu cầu ông Phạm Xuân Đ phải trả số tiền nợ 975.000.000 đồng của bà Tạ Thị Hồng M được tách ra để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì

được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Thom).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong